

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tùng
Ông Phạm Thành Đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: số S, ấp A1, xã A2, Huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh T1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: số X, ấp 4, xã L, Huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Anh T, chị T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, Huyện Ba Tri. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị T1 quá ghen tuông ảnh hưởng đến công việc làm ăn của anh. Anh xác định không thể chung sống với chị T1, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 21/10/2019. Anh đồng ý giao con cho chị T1 nuôi, anh cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng là hàng tháng, anh không đồng ý cấp dưỡng trước 06 tháng theo ý kiến của chị T1.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Vì bận việc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T có quen người phụ nữ khác. Chị không đồng ý ly hôn vì con chung còn nhỏ, anh T là người có lỗi chứ không phải chị.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 21/10/2019. Nếu anh T kiên quyết xin ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng của anh T là mỗi tháng 5.000.000 đồng như chị yêu cầu anh T cấp dưỡng trước 06 tháng để chị có tiền lo cho con và có vốn làm ăn.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: Anh chị có nợ chị 9 ở ấp 3, xã Lương Hòa, Hện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre 50.000.000 đồng. Do anh T không đưa tiền cho chị nuôi con nên chị phải đi vay của chị 9 để nuôi con. Chị yêu cầu chia đôi món nợ này, cụ thể chị trả 25.000.000 đồng, anh T trả 25.000.000 đồng cho chị 9.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Hện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Anh T thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung: Giao con chung Phan Minh H, sinh ngày 21/10/2019 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Về tài sản chung không tranh chấp. Về nợ chung: anh T xác định không có, chị T1 cho rằng có nợ chung 50.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị T1. Chị T1 đang cư trú tại xã Lương Hòa, Hện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T xin vắng mặt, chị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt anh T và chị T1.

[2] Về hôn nhân: Theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn do anh T nộp thể hiện Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, Hện Ba Tri chứng nhận kết hôn cho anh T và chị T1 vào ngày 15/02/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại buổi hòa giải, anh T cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T1 quá ghen tuông làm ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc làm ăn của gia đình. Chị T1 thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm.

Theo biên bản xác minh ngày 12/5/2023, của Tòa án đối với ông Phan Văn Long là cha ruột của anh T cho biết: ông có nghe nói chị T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ, kêu người đi đánh ghen với anh T, gây ảnh hưởng đến công việc của anh T nhưng không có thông tin chính xác là anh T ngoại tình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và không thể chịu đựng được tính của chị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn. Chị T1 không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không phải do lỗi của chị và vì con còn nhỏ. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải anh chị không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng, thương yêu lẫn nhau và cũng không thể hiện ý kiến muốn hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 21/10/2019. Anh T và chị T1 đều thống nhất giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị T1 yêu cầu anh T cấp dưỡng một lần 06 tháng, anh T không đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình xác định hình thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 thống nhất không có.

[5] Về nợ chung: Anh T xác định không có. Chị T1 cho rằng có nợ chung 50.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số nợ này. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị T1 cung cấp chứng cứ chứng minh anh chị có khoảng nợ chung này và thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ của chủ nợ. Hết thời gian thông báo nhưng chị T1 không cung cấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết phần nợ chung theo ý kiến của chị T1.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn) và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Giồng Trôm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh T1.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Phan Minh H, sinh ngày 21/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hình thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung không có.

[4] Về nợ chung: Anh T xác định không có. Chị T1 cho rằng có nợ chung 50.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số nợ này. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị T1 cung cấp chứng cứ chứng minh anh chị có khoảng nợ chung này và thông tin họ tên, năm sinh, địa chỉ của chủ nợ. Hết thời gian thông báo nhưng chị T1 không cung cấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết phần nợ chung theo ý kiến của chị T1.

[5] Về án phí:

-Anh Phan Văn T có nghĩa vụ nộp án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba

trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003316 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Như vậy anh Phan Văn T có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Hện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS Hện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã An Hiệp, Hện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan